

**TÔN GIÁO NỘI SINH Ở NAM BỘ VỚI VẤN ĐỀ
BẢO TỒN VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG**
(Nghiên cứu trường hợp đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo)

Trần Hoàng Phong*

Tóm tắt: Từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ, nhiều tổ chức tôn giáo được hình thành, nhất là các tôn giáo nội sinh đã có tác động không nhỏ đến lịch sử, văn hoá và chính trị của vùng đất này, như đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo. Dù có những điểm khác biệt trong giáo lý, giáo luật cũng như phương châm hành đạo, nhưng các tôn giáo đó đều có một điểm chung là thể hiện tinh thần giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Tinh thần đó được thể hiện thông qua việc sử dụng các thể loại thơ văn truyền thống trong chuyển tải kinh sách, những hình thức diễn đọc kinh kệ theo điệu thức nam ai, nam xuân; lựa chọn trang phục áo dài, áo bà ba làm đạo phục; bài trừ mê tín dị đoan; thờ anh hùng liệt sĩ cũng như tiếp nối các giá trị văn hoá truyền thống như trọng phụ nữ, dung hợp tam giáo và triết lý âm dương - ngũ hành. Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và phương pháp phỏng vấn sâu, bài viết này tập trung nghiên cứu tinh thần, chủ trương giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc của đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo.

Từ khoá: Tôn giáo nội sinh, văn hoá truyền thống, bảo tồn văn hóa truyền thống, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

Abstract: From the second half of the nineteenth century to the first half of the twentieth century in southern Vietnam, numerous religious groups, including particularly the domestic religious ones such as Caodaism and Hòa Hảo Buddhism, exerted their substantial influence on the region's historical trajectories, cultural life, and political landscape. Despite having certain differences in doctrine, disciplinary codes, and orientations of religious practice, these religions share a salient commonality: their steadfast spirit in preserving the traditional national cultural values. This spirit is expressed through the use of traditional poetic genres in spreading scriptures and performing religious texts according to the style of traditional folk melodies of Nam Ai and Nam Xuan; the adoption of traditional costume like "áo dài" and "áo bà ba" for their distinctive religious attire; the rejection of superstition; the veneration of national heroes and war martyrs; and the continuation of long-standing cultural values such as respect for women, harmony with the Three Teachings and philosophy of Yin-Yang and the Five Elements. Drawing on document analysis and synthesis, along with the method of in-

* Trường Đại học Đồng Tháp. Email: thphong@dthu.edu.vn.

depth interviews, the article examines the spirit and principles of Caodaism and Hòa Hảo Buddhism in attempts to preserve traditional national cultural values.

Keywords: *Indigenous religions, Traditional culture, Preservation of cultural values, Caodaism, Hòa Hảo Buddhism*

Ngày nhận bài: 15/8/2025; ngày phản biện: 19/12/2025; ngày duyệt đăng: 28/1/2026.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tôn giáo là một phần quan trọng của văn hoá, đồng thời qua tôn giáo, nhiều giá trị văn hoá được bảo lưu và vận hành. Trong thời đại ngày nay, nhiều giá trị văn hoá truyền thống đang dần bị lãng quên, mai một hoặc bị làm sai lệch, biến tướng vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong bối cảnh đó, từ gần 100 năm trước, một số tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ đã thể hiện tinh thần gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc từ giáo lý, giáo luật đến hành động thực tế: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam,... Trong số đó, hai tôn giáo có sức ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài nhất chính là đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo.

Năm 1926, đạo Cao Đài ra đời tại Phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh¹, trong bối cảnh khá đặc biệt. Phong trào đấu tranh giành độc lập đang trong cơn khủng hoảng về đường lối và lực lượng lãnh đạo; chính sách cai trị của thực dân Pháp đang đẩy nông dân Nam Bộ vào con đường không lối thoát; các tư tưởng, tôn giáo khác dần suy vi, bị mất uy tín (Huỳnh Ngọc Thu, 2017). Có thể nói, đạo Cao Đài là kết quả của quá trình dung hợp văn hoá Đông - Tây, trong đó nhiều giá trị văn hoá phương Đông và của Việt Nam được bảo lưu trong vỏ bọc của văn hoá phương Tây. Năm 1939, Phật giáo Hòa Hảo ra đời tại xã Phú Tân, tỉnh An Giang², trong bối cảnh người nông dân Nam Bộ còn nhiều khó khăn về kinh tế, bị áp bức về chính trị, Phong trào Chấn hưng Phật giáo đang ở giai đoạn cuối, nhiều “ông đạo” xuất hiện. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, tư tưởng Phật giáo và sấm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Phật giáo Hòa Hảo đã thổi một luồng “gió mới” vào đời sống tinh thần người dân vùng đất này (Bùi Thị Thu Hà, 2012). Phật giáo Hòa Hảo thể hiện rõ nét định hướng quy hồi về truyền thống thông qua mô hình tu tại gia, nhấn mạnh thực hành đạo đức trong đời sống thường nhật và đề cao các giá trị đạo lý dân tộc. Với sự kế thừa từ Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo củng cố những phạm trù đạo đức - văn hóa mang tính nền tảng như tứ ân (đặc biệt là ân tổ tiên - cha mẹ, ân đất nước), qua đó góp phần duy trì các chuẩn mực ứng xử, ý thức cộng đồng và tinh thần gắn bó với quê hương - dân tộc. Tuy có rất nhiều điểm khác biệt, nhưng hai tôn giáo này cùng thể hiện tinh thần gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống của Việt

¹ Trước sáp nhập 01/7/2025 là ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

² Trước sáp nhập 01/7/2025 là làng Hòa Hảo thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nam nói chung và của Nam Bộ nói riêng, được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau và có tính hệ thống, từ trong kinh điển đến thực hành giáo lý, giáo luật.

Từ trước đến nay, đã có nhiều công trình và hội thảo khoa học nghiên cứu về hai tôn giáo này dưới các góc độ tiếp cận khác nhau. Ở phương diện lịch sử hình thành và phát triển, hệ thống giáo lý - giáo luật, cũng như phương châm hành đạo, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản* của Bùi Thị Thu Hà (2012); *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ* của Huỳnh Ngọc Thu (2017); *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa* của Phạm Bích Hợp (2007). Bên cạnh đó, công trình *Phật giáo Hòa Hảo - một tôn giáo cận nhân tình trong lòng dân tộc* do Trần Văn Chánh và Bùi Thanh Hải chủ biên (2017) đã tập hợp nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, tập trung làm rõ tính gần gũi, thiết thực và mức độ tương hợp của Phật giáo Hòa Hảo với đặc điểm tâm lý - tính cách của cư dân Nam Bộ. Đáng chú ý, hội thảo khoa học *Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay: thực trạng, biến đổi và gợi ý chính sách* (2023) trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ “Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay” do Nguyễn Thị Quế Hương chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) phối hợp với Ban Tôn giáo thành phố Cần Thơ (Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ) tổ chức đã cung cấp một diễn đàn trao đổi học thuật quan trọng, trong đó các tham luận tập trung làm rõ lịch sử hình thành của đạo Cao Đài; phân tích quá trình biến đổi về cơ cấu tổ chức, thiết chế và phương thức vận hành; đồng thời nhận diện những thách thức mới mà tôn giáo này đang đối mặt trong bối cảnh xã hội đương đại. Ngoài các phân tích về cấu trúc và quản trị tôn giáo, các bài viết còn mô tả tương đối chi tiết hệ thống nghi lễ thờ cúng, biểu tượng văn hóa đặc trưng và ý nghĩa của chúng trong đời sống tín đồ; qua đó nhấn mạnh những đóng góp tích cực của cộng đồng Cao Đài trong hoạt động từ thiện - xã hội như một phương diện thể hiện vai trò xã hội của tôn giáo và khả năng thích ứng với nhu cầu cộng đồng (Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Ban Tôn giáo Thành phố Cần Thơ, 2023). Tuy nhiên, có thể nhận phần lớn nghiên cứu hiện nay chủ yếu mô tả lịch sử, giáo lý - giáo luật, cơ cấu tổ chức, nghi lễ và hoạt động xã hội, trong khi chưa đặt bảo tồn văn hóa truyền thống như một trục phân tích trung tâm của tôn giáo nội sinh Nam Bộ, cũng như chưa làm rõ một cách hệ thống các cơ chế mà tôn giáo sử dụng để duy trì, tái tạo và truyền lưu các thực hành truyền thống. Đồng thời, các đối sánh trực tiếp giữa đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo về dạng thức và điều kiện bảo tồn (biểu tượng, nghi lễ, chuẩn mực đạo đức - xã hội, thực hành cộng đồng) còn tương đối hạn chế, nhất là trong bối cảnh biến đổi xã hội đương đại.

Bài viết này góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu bằng việc tiếp cận một số tôn giáo nội sinh như thiết chế văn hóa, phân tích các cơ chế bảo tồn văn hóa truyền thống trong hai trường hợp đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo, đồng thời thực hiện đối sánh để chỉ ra những tương đồng/khác biệt trong chiến lược gìn giữ văn hóa, qua đó gợi mở một số hàm ý học thuật và chính sách.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Khái lược về đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo

Đạo Cao Đài: là một tôn giáo nội sinh hình thành ở Nam Bộ vào năm 1926. Trung tâm tổ chức sớm nhất đặt tại Tây Ninh, lễ khai đạo được cử hành ngày 19/11/1926 (tức ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần), đánh dấu thời điểm tôn giáo này chính thức công khai hoạt động. Sự ra đời đạo Cao Đài gắn liền với giai đoạn người Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai tại Việt Nam. Cách mạng Việt Nam rơi vào khủng hoảng. Các tôn giáo đương thời bị sa sút và mất dần ảnh hưởng. Trong bối cảnh đó, sự du nhập của phong trào Thông linh học là một trong những yếu tố thúc đẩy một số trí thức người Việt (ông Ngô Minh Chiêu, ông Phạm Công Tắc, ông Lê Văn Trung, ông Cao Hoài Sang...) tiếp cận và chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, tiến hành các hoạt động “cầu cơ,” dẫn tới sự ra đời của đạo Cao Đài. Về mặt giáo lý, giáo luật, đạo Cao Đài là một tôn giáo thể hiện tinh thần dung hợp các tư tưởng, tôn giáo cả Đông - Tây - Kim - Cổ như Phật giáo, Kitô giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Với tinh thần “Tam giáo quy nguyên” và “Ngũ chi phục nhất” đạo Cao Đài đã tổng hợp giáo lý, giáo luật của các tôn giáo trước đó lại để hình thành nền tảng giáo lý của mình. Sau khi ra đời, đạo Cao Đài đã thu hút một lượng lớn tín đồ đi theo, trở thành một tôn giáo lớn ở Nam Bộ lúc bấy giờ.

Phật giáo Hòa Hảo: năm 1939 tại làng Hòa Hảo thuộc quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (sau sáp nhập thuộc xã Phú Tân, tỉnh An Giang) ông Huỳnh Phú Sổ (sinh năm 1920) sau một thời gian phải nghỉ học đi chữa bệnh đã đứng ra sáng lập một tôn giáo mới lấy tên là Phật giáo Hòa Hảo. Với giáo lý học Phật (kế thừa giáo lý Phật giáo), tu nhân (kế thừa tư tưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương), lễ nghi đơn giản và mong muốn chấn hưng Phật giáo, xây dựng đời sống văn hóa, loại bỏ các hủ tục, Phật giáo Hòa Hảo đã thu hút được một lượng tín đồ đáng kể trong một thời gian ngắn. Cùng với đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo đã làm cho đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ trở nên sôi động và có nhiều đóng góp đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

2. Đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam

2.1. Bảo tồn văn hoá truyền thống

2.1.1. Sử dụng thơ ca trong kinh sách

Trong đạo Cao Đài, kinh sách được chia thành hai loại cơ bản. Loại thứ nhất là kinh sách về giáo lý và việc thờ phụng. Về giáo lý, có bộ *Thánh ngôn hiệp tuyển* (quyển nhất và quyển nhì) gồm 180 bài Cơ bút được ghi chép từ năm 1925 đến năm 1935 nói về các vấn đề cơ bản của đạo, như: Thượng đế, Đại đạo, Tam kỳ phổ độ, “tam giáo quy nguyên”, “Ngũ chi phục nhất”. Các kinh tụng gồm kinh Thiên đạo (gồm 25 bài), kinh Thế đạo (gồm 21 bài), gọi chung là Tân kinh, nói về các bậc Thượng đế, Thần, Thánh, Tiên, Phật... dùng để tụng trong các buổi lễ tại Toà Thánh, Thánh thất, gia đình trong các dịp quan, hôn, tang, tế. Nếu như

Thánh ngôn hiệp tuyển chủ yếu được viết bằng văn xuôi thì kinh Thiên đạo và kinh Thế đạo chủ yếu được soạn bằng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.

“Thấy hình khổ dạ ta đâu nữ
 Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn
 Quấy rồi phải biết ăn năn
 Ở cho nhân hậu chế răn lòng tà” (thể song thất lục bát)
 (Tòa thánh Tây Ninh, 2014, tr. 66)

Khi diễn đọc các bài trong hai bộ kinh này, người ta đọc bằng giọng nam ai, nam xuân và trong những dịp lễ quan trọng còn sử dụng các nhạc cụ truyền thống để hỗ trợ như đàn tranh, đàn cò, đàn bầu, trống, kèn.

“Cuộc danh lợi là phần thưởng quý
 Đáng Hoá công xét kỹ ban ơn
 Lòng đừng so thiệt tính hơn
 Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi” (*giọng nam xuân*)
 (Tòa thánh Tây Ninh, 2014, tr. 64)

hoặc ở một chỗ khác với giọng nam ai:

“Ôn cục dục cù lao mang nặng
 Lỡ thân cô mưa nắng không ngừa
 Âm dương cách bóng sớm trưa
 Thon von phận bạc không vừa hiếu thân” (*giọng nam ai*)
 (Tòa thánh Tây Ninh, 2014, tr. 109)

Ngoài ra, đạo Cao Đài còn dùng các điệu xàng xê, ngũ đối thượng, ngũ đối hạ, long ngâm, long đặng, vạn giá và tiểu khúc cùng với đàn cò, đàn kìm, phách, sáo, nhị... trong diễn ngâm kinh sách tại các buổi lễ. Tác giả Trần Văn Khê từng nhận định: “Âm nhạc đạo Cao Đài bắt nguồn từ nhạc dân gian, nhạc lễ miền Nam. Vì vậy, âm nhạc Cao Đài giữ được bản sắc dân tộc Việt Nam với mục đích nhằm đưa lời kinh vào tâm khảm của tín đồ, để cho các cuộc lễ thêm phần long trọng và tâm linh hương thượng” (Trần Văn Khê, 2004, tr. 418).

Trong khi đó, Phật giáo Hòa Hảo cũng chia kinh sách làm hai loại cơ bản, nhưng sám giảng giáo lí và thi văn giáo lí. Sám giảng giáo lí có sáu quyển thì năm quyển được viết bằng thể thơ, chỉ có 01 quyển viết bằng văn xuôi. Các thể thơ được sử dụng chủ yếu là lục bát và thất ngôn. Cụ thể, về thể loại lục bát, quyển *Sám giảng khuyên người đời tu niệm* gồm 912 câu, quyển *Sám giảng* gồm 612 câu, quyển *Khuyến thiện* gồm 756 câu. Tổng số có 2.280 câu thơ lục bát. Về thể thất ngôn, quyển *Kệ dân của người khùng* gồm 476 câu, quyển *Giác mê tâm kệ* có 846 câu. Tổng số có 1.322 câu. Xét về tỉ lệ, thể thơ lục bát gấp 1,72 lần thể thơ thất ngôn (Nguyễn Thanh Xuân, 2013).

“Khuyên đừng xài phí xa hoa,
 Ăn cần ở kiệm đặng mà lo tu.

Đừng khinh những kẻ đui mù,
Đến sau sẽ khổ gấp mười mù đui”

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 66)

Hay:

“Người biết đạo phải gìn ngôn ngữ,
Nói với ai chớ có sai lời.

Trọng mẹ cha kính nể Phật Trời,
Đừng nhiều tiếng nghiêng ngang mang lỗi” (*thể thất ngôn*)

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 86)

Chúng ta đều biết, thơ lục bát là một thể thơ dân tộc tiêu biểu nhất trong nền văn học Việt Nam. Thể thơ này có tính vần điệu rất nhẹ nhàng, dễ thuộc dễ nhớ. Nói đến thơ ca Việt Nam truyền thống không thể nào không kể đến thơ lục bát. Thơ lục bát là hồn cốt của dân tộc. Sử dụng thể thơ dân tộc trong việc chuyển tải nội dung giáo lý là một cách làm rất ý nghĩa của Ông Huỳnh Phú Sổ. Giúp cho giáo lý trở nên đơn giản hơn, dễ tiếp nhận, dễ thuộc dễ nhớ hơn, gần gũi, đó là một cách rất tốt để giáo dục và duy trì trong nhân dân nói chung, tín đồ của đạo nói riêng, về bản sắc văn hoá dân tộc, về những sáng tạo của ông cha. Thơ lục bát giúp cho giáo lý trở nên dễ tiếp nhận. Ngược lại, giáo lý là phương tiện duy trì sức sống của thơ lục bát trong lòng xã hội. Ngoài ra, việc sử dụng thể thơ lục bát cũng giúp cho nội dung giáo lý của đạo được chuyển tải một cách dễ dàng thông qua hình thức diễn ngâm. Hầu hết sấm giảng giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo viết bằng thể thơ lục bát đều được diễn ngâm chứ không đọc bình thường. Với người dân nghèo, ít học ở Nam Bộ thời bấy giờ, để giảng giải về Phật giáo thật khó hiểu khi nói: Phật giáo ra đời ở miền Bắc đất nước Ấn Độ cổ đại vào thế kỷ VI trước Công nguyên. Thay vào đó, Ông Huỳnh Phú Sổ đã viết:

“Hồi thế kỷ khoảng trong thứ sáu,
Trước kỷ nguyên tây lịch thời xưa
Pháp - Giáo chưa biệt lập tam thừa
Thuở Trung-Quốc nhà Châu Chiêu-Đế,
Bên Ấn-Độ thành Ca-Tỳ-La-Vệ...

Có đức vua Tịnh-Phạn nhơn từ” (*thể thất ngôn*)

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 111)

Như vậy, thông qua việc viết kinh sách bằng thơ lục bát, thơ song thất lục bát để chuyển tải giáo lý, giáo luật, đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo đã góp phần vào việc giữ gìn và bảo lưu thể loại thơ truyền thống của dân tộc một cách thiết thực.

2.1.2. Trang phục trong nghi lễ và thường nhật

Đối với người Việt Nam từ xưa đến nay, áo dài vẫn luôn được xem là trang phục truyền thống. Đại đa số người Việt Nam luôn xem chiếc áo dài truyền thống như là biểu tượng quốc gia. Chiếc áo dài được cả nam và nữ mặc một cách tự nhiên, quen thuộc và đầy tự hào. Trong

những dịp lễ, tết quan trọng từ xưa đến nay thì áo dài vẫn là lựa chọn hàng đầu. Trong giao tiếp với người nước ngoài, người Việt Nam cũng hãnh diện mặc áo dài để khẳng định bản sắc văn hoá của mình cũng như giới thiệu tới bạn bè năm châu. Có thể nói, chiếc áo dài đã trở thành một biểu tượng của văn hoá trang phục truyền thống của Việt Nam.

Trong quá trình giao lưu và hội nhập với văn hoá thế giới, nhiều loại hình trang phục khác nhau đã được du nhập vào nước ta. Sự tiện lợi của các loại hình trang phục phương Tây khiến việc mặc áo dài truyền thống chủ yếu diễn ra trong các dịp lễ, Tết và một số môi trường đặc thù như giáo dục, lễ hội truyền thống. Đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo đã góp phần giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống.

Việc mặc áo dài truyền thống đối với cả tín đồ và chức sắc đạo Cao Đài là một yêu cầu bắt buộc. Về trang phục, giáo luật quy định rất rõ: tất cả tín đồ và chức sắc mặc áo dài. Trong đó, tín đồ và chức sắc nữ phái thống nhất mặc áo dài trắng, chức sắc nam thì tùy ngành mà mặc áo dài với màu sắc khác nhau: ngành Thái mặc màu vàng, ngành Ngọc mặc màu đỏ, ngành Thượng mặc màu xanh. Áo dài được mặc cả khi tham gia hành lễ tại Thánh thất cũng như tại gia. Theo quan niệm của đạo, áo dài thể hiện cho truyền thống văn hoá của người Việt Nam. Trong quan niệm của đạo Cao Đài, màu trắng có nhiều ý nghĩa: *thứ nhất*, thể hiện cho tinh thần giản dị, thanh cao, trong sạch của người tín đồ; *thứ hai*, nhắc nhở tín đồ bản đạo luôn giữ gìn đạo đức cá nhân trong sạch bởi màu trắng là màu của sự tinh khiết, nhưng dễ vấy bẩn, dấu một vết bẩn nhỏ cũng dễ nhìn thấy; *thứ ba*, màu trắng là màu sắc của sự hoà hợp, của tinh thần đại đồng, là sự tổng hợp của bảy màu sắc khác nhau, đồng thời còn là màu của tình thương, không phân biệt giàu nghèo - sang hèn. Tín đồ và chức sắc đạo Cao Đài mặc trên mình bộ áo dài truyền thống của dân tộc như lời nhắc nhở thường trực về sự giữ gìn các giá trị, các nét văn hoá đặc trưng của đất nước. Việc đạo Cao Đài sử dụng bộ áo dài truyền thống trong thực hành thường nhật là phương thức bảo tồn văn hóa có hiệu quả cao, đặt di sản vào không gian sử dụng thực tế và gắn với chủ thể văn hóa; nhờ vậy, giá trị biểu tượng, thẩm mỹ và bản sắc được tái sản xuất liên tục, thay vì chỉ dừng lại ở trưng bày bảo tàng hay các hoạt động tuyên truyền - giới thiệu mang tính sự kiện.



Hình 1: Tín đồ Cao Đài trong trang phục áo dài.
Nguồn: <https://danvanbinhphuoc.vn/>



Hình 2: Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong trang phục áo bà ba. Nguồn: <https://thanhnien.vn>

Phật giáo Hòa Hảo không có quy định về trang phục đối với tín đồ và chức sắc. Trong Quyển Sáu - *Tôn chỉ hành đạo*, ông Huỳnh Phú Sổ có hướng dẫn một số vấn đề trong cách tu hành của người tín đồ như cách hành lễ, cách thờ phượng, việc để tóc... nhưng không đề cập đến trang phục của tín đồ bốn đạo. Trong phần tôn chỉ hành đạo này nói chung cũng như về việc để tóc, ông có nói rằng: “*Từ rày trở đi đã thoát được ách người Pháp và tùy theo phong trào tiến hoá của nước nhà, Thầy cho phép bốn đạo được tự do cải cách hầu hoà hợp với lương dân cùng tôn giáo khác*” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 155).

Mặc dù Phật giáo Hòa Hảo không có quy định cụ thể về vấn đề trang phục, nhưng tìm hiểu nội dung Quyển Sáu chúng ta có thể thấy, về cơ bản giáo luật của đạo đã thể hiện tinh thần tiến bộ, gần gũi với phong tục tập quán truyền thống của người Việt ở Nam Bộ. Thực tế, trong sinh hoạt tôn giáo, chức sắc và tín đồ bốn đạo thường mặc áo bà ba đen, đối với chức sắc nam có đội thêm khăn đóng màu đen. Áo bà ba là một loại trang phục truyền thống của người Nam Bộ từng được ưa chuộng trong công việc cũng như trong sinh hoạt hàng ngày của cả phụ nữ và nam giới miền Nam, đặc biệt là Tây Nam Bộ. Trong đời sống đương đại, bộ bà ba không còn giữ được mức độ phổ biến như trước. Vì vậy, việc tín đồ và chức sắc đạo Cao Đài sử dụng áo dài như trang phục chuẩn mực trong các hoạt động tôn giáo, cũng như việc tín đồ và chức sắc Phật giáo Hòa Hảo duy trì bộ bà ba không chỉ trong sinh hoạt tôn giáo mà cả đời sống thường ngày có thể được hiểu như một thực hành văn hóa giàu ý nghĩa. Theo chúng tôi, đây là một biểu hiện cụ thể của sự trân trọng và gắn bó với các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời là một hình thức bảo tồn văn hóa thiết thực và hiệu quả, khi di sản được tiếp tục “sống” trong không gian sử dụng, gắn với căn tính cộng đồng và được tái sản xuất qua những hành vi lặp lại hằng ngày.

2.2. Phát huy truyền thống văn hoá dân tộc

2.2.1. Trường hợp Phật giáo Hòa Hảo

Phật giáo Hòa Hảo có thể được xem là sự kế thừa và phát triển từ mạch nguồn truyền thống văn hóa ở Nam Bộ, tiếp nối tinh thần của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Vì vậy, việc tôn giáo này nhấn mạnh và thực hành giáo lý Tứ Ân không chỉ là lựa chọn mang tính giáo lý, mà còn phản ánh tính liên tục lịch sử - văn hóa của một hệ giá trị đạo đức đã được định hình và củng cố trong cộng đồng tín đồ. Cũng tương tự như hai nền tôn giáo có trước đó, Phật giáo Hòa Hảo quan niệm tứ ân gồm: ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại. Dễ dàng nhận thấy, trong bốn đối tượng thuộc tứ ân thì tổ tiên cha mẹ là đối tượng gần gũi nhất đối với mỗi người. “Sách xưa có câu: “Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên” (muôn vạn quyển kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy sự hiếu nghĩa làm đầu)” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 134).

Một quan điểm rất tiến bộ của Ông Huỳnh Phú Sổ khi nói về thực hành ân tổ tiên cha mẹ đó là cần coi trọng việc đền ơn cha mẹ lúc còn sống hơn là việc cúng bái sau khi cha mẹ đã qua đời: “Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn đang sanh tiền, có dạy ta những điều hay lẽ phải ta ráng chăm chỉ nghe lời, chớ nên xao lãng làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm lẫn trái với nhân đạo, ta ráng hết sức tìm cách khuyên lơn ngăn cản. Chẳng thế, ta

cần phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh hoạn ốm đau, gây sự hòa hảo trong đệ huynh, tạo hạnh phúc cho gia đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa mãn. Ráng cầu cho cha mẹ được hưởng điều phước thọ. Lúc cha mẹ quá vãng, hãy tu cầu cho linh hồn được siêu thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm luân” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 134).

Bên cạnh đó, ông còn chủ trương thờ các anh hùng liệt sĩ, đó là những người đã xả thân bảo vệ quê hương đất nước và báo đáp ân đất nước một cách đầy tự hào. Do đó, việc thờ các anh hùng liệt sĩ là cách thể hiện tinh thần trọng tứ ân của tín đồ bốn đạo.

Ông Huỳnh Phú Sổ còn đề ra một chủ trương vô cùng khách quan, khoa học mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là, khi ta tìm học theo một tôn giáo, thờ cúng một vị thần, thì cần hiểu rõ về vị thần đó, tôn chỉ của tôn giáo đó để hành đạo cho đúng. Theo ông, con người khi theo tôn giáo cần có đức tin, lòng lành và trí huệ mà phán xét, chớ để lầm lạc hoặc bị gạt gẫm. Như: “Nếu ta cứ đem đức tin thờ phượng tôn giáo bằng cách sai lầm thì rất có hại cho đời mạng của ta. Như vậy chỉ tỏ ra một người rất mê tín (mặc dầu Đạo của ta thờ là một Đạo rất chánh đáng). Vậy đồng thời Đức Tin và Lòng Lành phải để cho nó đi cặp luôn luôn. Có Đức Tin (Tin về thần quyền) mà thiếu Lòng Lành thì rất dễ bị tà thần cám dỗ, bọn tăng đồ lợi dưỡng gạt lường. Bởi những kẻ ấy thường bày ra cúng kiếng để chuộc tội, hoặc bắt buộc ta thờ kính một cách phiền phức làm cho lòng u tối của ta càng ngày càng u tối thêm. Còn có lòng lành mà thiếu đức tin vào công việc từ thiện của mình thì lòng lành ấy thường hay thói chuyển vậy. Vậy đồng thời với đức tin và lòng thành phải đi cặp luôn luôn. Có đức tin và lòng lành rồi thì dùng trí tuệ mà bình đoán cái Đạo của ta đang học hay sẽ học một cách xác thực, tìm hiểu cho rõ ràng cái mục đích ấy, như thế mới mong thoát khỏi tà kiến gạt gẫm ta đem đức tin, lòng lành công hiến vào chỗ thấp hèn hay một ông thầy mê dốt” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 365).

Về việc thờ cúng, ông cũng có những chỉ dẫn rất rõ ràng, thể hiện chủ trương nhất quán, khách quan và khoa học: “Đừng thấy ai theo mỗi Đạo nào đông đảo rồi ta cũng vội vàng theo Đạo ấy mà lúc đó ta chưa hiểu giáo lý ấy như thế nào. Cũng đừng thấy người ta thờ Phật rồi vội vã lập bàn thờ Phật, mà chưa hiểu ông Phật thế nào và tại sao phải thờ kính Đức Phật. Nếu tu như thế, thờ Phật như thế, thì càng tu càng thờ bao nhiêu càng tỏ ra cho thiên hạ thấy rõ ta mê tín bấy nhiêu” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 366).

Hơn nữa, ông nhấn mạnh: “Ngoài sự thờ Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn tích” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 151).

Đây có thể xem là một tư tưởng quan trọng giúp người Việt giữ gìn văn hoá nước nhà, hạn chế văn hoá ngoại lai xâm nhập, biến tướng.

“Ồ chòm xóm đừng cho như bọn,
Rán giữ gìn phong hoá nước nhà”

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 55)

Trong phần nói về cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, ông Huỳnh Phú Sổ có nói rõ một số việc cần làm để thể hiện được tinh thần tiến bộ và vẫn còn giá trị đến ngày nay. Đối với tang lễ, ông nói: “Về việc cúng kiếng ông bà cha mẹ, có chi cúng nầy trong những ngày lễ kỷ niệm theo như tục lệ. Còn về việc đãi đằng hương đăng thì tùy ý. Những điều nào xét ra giản tiện, ít lãng phí cứ làm” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 152).

Về hôn nhân, ông cũng có những quan điểm rất tiến bộ: “Nên bỏ tục lệ thách giá đòi tiền và đòi lễ vật. Thông gia hai bên không nên làm khó cho nhau. Cũng chẳng nên bày ra tiệc lễ linh đình tốn kém nhiều tiền làm cho trở nên nghèo khổ” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 153).

Trong *Lời khuyên bốn đạo*, ông nói rõ về việc uống rượu như sau: “Ta chẳng nên uống rượu, cờ bạc, á phiện, chơi bời theo đàng điếm, phải giữ cho tròn luân lý tam cương ngũ thường” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 160).

Rõ ràng từ xưa đến nay, uống rượu, cờ bạc, ma tuý và các tệ nạn khác là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới nhiều hệ lụy cho xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của cá nhân, làm tổn hại đến xã hội. Những tệ nạn đó sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp làm xói mòn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Do đó, tránh xa được các tệ nạn này là yêu cầu quan trọng để giữ gìn “phong hoá nước nhà”. Lãng phí trong tang lễ, thách cưới và lãng phí trong hôn nhân cũng tương tự vậy. Dù nó không hẳn là tệ nạn nhưng cũng là nguyên nhân gây ra nhiều hệ lụy cho cá nhân và xã hội.

Tiếp nối truyền thống đơn giản hoá các nghi thức tôn giáo của Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khi sáng lập Phật giáo Hòa Hảo, ông Huỳnh Phú Sổ cũng kêu gọi tín đồ thờ phụng đơn giản, tùy hoàn cảnh gia đình, không cúng kiếng linh đình, đốt vàng mã. Quan niệm của ông rất thực tế và cũng rất tiến bộ khi cho rằng việc thờ cúng cốt ở cái tâm, còn hình thức bề ngoài chỉ là phụ. Nếu cúng kiếng linh đình, xa xỉ thì khác nào mua chuộc thần thánh, làm mất ý nghĩa của việc thờ cúng. Ông nói:

“Lũ thầy đám hay bày trò khi,
Mượn kinh luân tụng mướn lấy tiền.
Chón Diêm-Đình ghi tội liên miên,
Mà tăng chúng nào đâu có rõ.
Theo Thần-Tú tạo nhiều chuông mõ,
Từ xưa nay có mấy ai thành?”

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 59)

Theo ông Huỳnh Phú Sổ, việc đốt vàng mã cũng là một việc không nên làm, vì nó không có tác dụng gì, mà còn gây tổn kém, lãng phí và tạo điều kiện cho những kẻ buôn thần bán thánh trục lợi:

“Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tống tiền vô lý”.

(Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 59)

Việc thờ cúng cốt sao cho thanh sạch, đơn giản, dễ làm, thể hiện tấm lòng thành, kể cả cúng Phật cũng như cúng cho tổ tiên. Trong phần nói về cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, ông từng nói rõ: “Về cách cúng Phật, chỉ nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thôi,... Ngoài ra, chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ ông bà cúng món chi cũng đặng” (Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 151).

Trong *Lời khuyên bốn đạo*, ông cũng nêu rõ: “Ta không nên đốt giấy tiền vàng bạc, giấy quần áo mà tống tiền vô lý, vì cõi Diêm - Vương không bao giờ ăn hối lộ của ta, mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lãng phí ấy mà cứu trợ cho những người lỡ đường đói rách, tàn tật,... Tất cả thiện nam tín nữ trong tôn giáo nhà Phật lúc rảnh việc nên thường coi kệ giảng mà giữ gìn phong hoá nước nhà, giữ những tục lệ chơn chánh, bỏ tất cả những sự dị đoan mê tín thái quá mà làm cho đạo đức suy đồi” (Ban Phổ thông giáo lý, Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, 1966, tr. 160).

Rõ ràng, ở đây ta thấy một tinh thần tiến bộ, một nghi thức thực hành tôn giáo hiện đại, chú trọng ở cái tâm, cái thực, gạt bỏ mọi sự hào nhoáng, hình thức. Điều đó giúp tín đồ tập trung vào tâm thức tôn giáo hơn là vào lễ vật tốn kém, nghi thức rườm rà - một khía cạnh của mê tín dị đoan. Tất cả những chủ trương trên của ông Huỳnh Phú Sổ đều xoay quanh vấn đề giúp tín đồ trở lại với bản chất của việc tu học, trở lại cái gốc của Phật giáo cũng như các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

2.2.2. Trường hợp Đạo Cao Đài

Trong đạo Cao Đài, quan hệ giới được định hướng theo nguyên tắc đề cao sự tương đẳng về phẩm giá giữa nam và nữ. Trong đời sống tôn giáo, cả hai giới đều được thừa nhận vai trò và vị thế nhất định trong cơ cấu tổ chức cũng như trong thực hành nghi lễ. Mỗi cơ sở thờ tự của đạo đều có hai toà nhà: thánh thất để thờ phượng các vị phái nam và điện thờ Phật Mẫu để thờ phượng các vị phái nữ. Hằng năm, đạo có hai ngày đại lễ: một ngày là đại lễ Đức Chí Tôn (ngày 09/01 - phái nam), một ngày là đại lễ Hội yến Diêu Trì cung (ngày 15/8 - phái nữ). Sách của đạo có viết: “Phần các con truyền Đạo kỳ phổ độ này cũng lắm nặng nề; bao nhiêu nam tức bấy nhiêu nữ; nam biến thành Tiên Phật, chớ nữ lại không sao? Thầy đã nói Bạch Ngọc Kinh có cả nam lẫn nữ, mà có phần nữ lấn quyền thế hơn nam nhiều” (Tòa thánh Tây Ninh, 1928, tr. 25).

Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) là những tư tưởng tôn giáo du nhập vào Việt Nam từ sớm và đã trở thành những thành tố quan trọng trong văn hoá Việt Nam. Trong đạo Cao Đài, tinh thần đồng nguyên tam giáo được thể hiện ở khắp nơi. Hình tượng Đức Thượng đế trong đạo Cao Đài thể hiện tinh thần dung hợp tam giáo với Cao Đài (Nho) - Tiên ông (Lão) - Phật (Đại Bồ tát Mahatát). Ngay từ cổng Tòa Thánh, chúng ta đã thấy các biểu tượng của Nho (Kinh Xuân Thu), Phật (bình bát vu), Lão (phất chủ). Hình tam giác bao quanh thiên nhãn ở các cửa sổ hai bên vách thánh thất cũng mang ý nghĩa tượng trưng cho tam giáo. Tại vị trí trung tâm của Bát quái

đài, nơi có bao lam đắp nổi tượng các vị thần, thánh, tiên, Phật, ta cũng thấy có các vị sáng lập tam giáo (Đức Thích Ca - Phật giáo; Đức Khổng Tử - Nho giáo; Đức Lão Tử - Lão giáo) được thờ ở nơi trang trọng nhất. Chức sắc trong đạo cũng chia thành ba ngành với ba màu sắc đạo phục: ngành Thái (Phật - màu vàng), ngành Thượng (Lão - màu xanh), ngành Ngọc (Nho - màu đỏ). Cờ của đạo cũng gồm ba màu vàng, xanh, đỏ đại diện cho tam giáo (Bùi Thị Thu Hà, 2012).

Đạo Cao Đài trong quá trình hình thành và phát triển cũng đã sử dụng triết lý âm dương - ngũ hành dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Đó là việc xây dựng riêng biệt hai công trình để thờ phượng các vị thần thánh tiên Phật thuộc phái nữ - nam đại diện cho âm - dương gọi là điện thờ Phật Mẫu và thánh thất. Tại Hiệp Thiên Đài cũng có hai toà tháp cao là lầu chuông và lầu trống gọi là Bạch ngọc chung đài (âm) và Lôi âm cổ đài (dương) (Bùi Thị Thu Hà, 2012).



Hình 3: Khuôn sen Thiên Nhân Toà Thánh. Nguồn: daotam.info

Trên bao lam trong Bát quái đài, hai bên Thiên Nhân là Mặt Trăng (âm) và Mặt Trời (dương). Ở các không gian hình hoa sen và thiên nhân đóng vai trò các cửa sổ hai bên vách thánh thất là cả một quá trình biến hoá của triết lý âm dương. Theo đó, Thiên Nhân ở vị trí trung tâm đại diện cho Thái cực, củ sen phía trên là trời (dương), củ sen phía dưới là đất (âm) gọi chung là Lưỡng nghi: Thái Cực sinh Lưỡng Nghi. Khi có trời đất rồi thì có sự phân định các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc là bốn gương sen ở bốn góc, đó là Tứ tượng: Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. Tứ tượng mới biến hoá thành Bát quái là tám lá sen. Tiếp đó, 12 ngó sen là Thập nhị địa chi. Mười hoa sen là Thập thiên can. Âm dương - ngũ hành là triết lý căn bản của cư dân nông nghiệp Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Đạo Cao Đài đã vận dụng một cách nhuần nhuyễn triết lý này để giải thích một cách trực quan cho tín đồ và mọi người thông qua các hoạ tiết trang trí thánh thất và nhiều chi tiết kiến trúc khác.

2.3. Một vài nhận xét

Trên cơ sở các phân tích trên, chúng tôi tạm đối sánh một số định hướng và thực hành bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống giữa đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo như sau:

Về phương diện tương đồng, cả hai tôn giáo đều đặt trọng tâm vào việc bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng khá nhất quán, thể hiện từ hệ thống kinh văn đến nếp sinh hoạt hằng ngày. Trong diễn ngôn và thực hành, các thể thơ dân tộc như lục bát

và song thất lục bát được khai thác cùng hình thức diễn ngâm để chuyển tải giáo lí, giáo luật; Áo dài và áo bà ba cũng được lựa chọn là trang phục mang tính đạo phục/nhận diện, góp phần củng cố căn tính cộng đồng tín đồ.

Ở phương diện khác biệt, đạo Cao Đài nổi bật ở việc đưa nhạc cụ truyền thống vào nghi lễ nhằm hỗ trợ diễn ngâm kinh, đồng thời quy chuẩn đạo phục thiên về áo dài. Trong cấu trúc biểu tượng và quan niệm văn hóa, tôn giáo này cũng thể hiện khá rõ tinh thần đề cao vai trò của phụ nữ và lối tư duy gắn với triết lý âm dương - ngũ hành. Trái lại, Phật giáo Hòa Hảo tuy duy trì hình thức diễn ngâm nhưng không sử dụng nhạc cụ; trang phục thực hành chủ yếu là áo bà ba (trong một số bối cảnh có thể dùng áo dài). Đặc biệt, truyền thống này nhấn mạnh xu hướng loại bỏ những yếu tố bị xem là ngoại lai hoặc không phù hợp, đề cao lối sống tiết giản và các chuẩn mực đạo đức - xã hội, thể hiện qua chủ trương không tạc tượng, hạn chế xây chùa, bài trừ rượu chè, cờ bạc, đốt vàng mã, thách cưới và những hình thức lễ lạt lãng phí.

Một chức việc đạo Cao Đài cho rằng: “Việc sử dụng áo dài làm đạo phục chính thức của cả chức sắc và tín đồ đạo Cao Đài cũng như sử dụng các nhạc cụ truyền thống của dân tộc là biểu hiện cụ thể tinh thần giữ gìn văn hóa của ông cha để lại” (PVS, nam, 54 tuổi, Phó Cai quản, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, 2024). Tương tự, khi được hỏi về tinh thần giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được thể hiện trong các lời dạy của ông Huỳnh Phú Sổ, một chức việc Phật giáo Hòa Hảo khẳng định: “Tinh thần giữ gìn phong hóa dân tộc, bài trừ các tệ nạn nói chung và mê tín dị đoan nói riêng của Phật giáo Hòa Hảo nói chung và của ông Huỳnh Phú Sổ nói riêng là rất rõ ràng và được thể hiện xuyên suốt trong Sám giảng, Thi văn. Đó là việc mặc trên người chiếc áo dài, áo bà ba trong sinh hoạt của tín đồ bốn đạo. Đó là việc sử dụng các thể thơ dân tộc quen thuộc, dễ hiểu, dễ nhớ. Đó là việc bài trừ mê tín dị đoan cũng như một số phương diện khác” (PVS, nam 55 tuổi, Trưởng Ban trị sự, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, 2024).

KẾT LUẬN

Đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo là hai tôn giáo nội sinh ra đời cách nhau hơn một thập kỉ, vào những năm nửa đầu thế kỷ XX. Dù có nhiều nét khác biệt trong tín điều, cách thức hành đạo, nhưng hai tôn giáo này đã tích cực góp phần giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống biểu hiện rất đa dạng: *Thứ nhất*, đó là việc sử dụng các thể loại văn học truyền thống (thơ lục bát, song thất lục bát), các thể loại nhạc lễ dân gian (nam ai, nam xuân, xàng xê, ngũ đối thượng, ngũ đối hạ, long ngâm, long đặng, vịnh giá, và tiểu khúc) trong ghi chép và diễn đọc kinh sách để truyền bá đến tín đồ, dùng các nhạc cụ dân tộc (đàn cò, đàn kim, phách, sáo, nhị...) trong các buổi lễ. *Thứ hai*, mặc trên mình bộ áo dài hay áo bà ba trong sinh hoạt hằng ngày cũng như trong hoạt động tôn giáo. *Thứ ba*, góp phần loại bỏ các hủ tục khỏi đời sống, giúp cho tín đồ hiểu đúng, làm đúng những giá trị văn hoá thực sự, không hào nhoáng, hình thức dễ dẫn đến lệch lạc. *Thứ tư*, thể hiện một cách rõ ràng truyền thống dân chủ có phần thiên về nữ tính, cũng như sự vận dụng

triết lí âm dương - ngũ hành của truyền thống văn hoá nông nghiệp. *Thứ năm*, trung thành với nền tảng tư tưởng tam giáo Nho, Phật, Lão.

Trong sự phát triển không ngừng của xã hội, khi nhiều giá trị văn hóa truyền thống đã dần mai một, việc giới trẻ được tiếp cận những giá trị đó thông qua các hình tượng tôn giáo và những hình thức thực hành trong cộng đồng tín đồ, chức sắc hai tôn giáo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Theo chúng tôi, đó là phương pháp hữu hiệu trong giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mà hai tôn giáo này đã và đang thực hiện./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hòa Hảo. (1966). *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo Chủ*. Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo ấn hành.
2. Bùi Thị Thu Hà. (2012). *Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản*. Nxb. Từ điển Bách khoa.
3. Huỳnh Ngọc Thu. (2017). *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ*. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thanh Xuân. (2013). Tìm hiểu kinh sách của đạo Cao Đài, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 6, tr. 21-26.
5. Phạm Bích Hợp. (2007). *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*. Nxb. Tôn giáo.
6. Tòa Thánh Tây Ninh. (2014). *Kinh Thiên đạo - Thế đạo*. Hội Thánh xuất bản.
7. Tòa Thánh Tây Ninh. (1928). *Thánh ngôn hiệp tuyển - Bốn thứ nhứt*. Hội Thánh xuất bản.
8. Trần Văn Chánh và Bùi Thanh Hải. (Chủ biên, 2017). *Phật giáo Hòa Hảo - một tôn giáo cận nhân tình trong lòng dân tộc*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Trần Văn Khê. (2004). *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Nxb. Trẻ.
10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Ban Tôn giáo thành phố Cần Thơ (2023). *Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay: thực trạng, biến đổi và gợi ý chính sách*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Thành phố Cần Thơ.